TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2023
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị H - B)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã siêu.
2. Ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số53 /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 44A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1989 (chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LHB, xã TN, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1984 (anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Thôn LHB, xã TN, huyện T1, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1984, có địa chỉ tại thôn LHB, xã TN, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai không còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

Về con chung, chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Hiện các con chung đang ở cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Nguyễn Đình B thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh B không đến Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại thôn LHB, xã TN, huyện T1, tỉnh T2, bà Tô Thị M, sinh năm 1954, trú tại thôn LHB, xã TN, huyện T1, tỉnh T2 (bà M là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình B) trình bày:

Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình B tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của gia đình là không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Hai anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010; Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Hiện các con chung đang ở cùng mẹ. Nếu ly hôn, quan điểm của gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Theo bà M, bà không nắm được anh B và chị H có tài sản chung hay không. Anh B có biết việc chị H xin ly hôn, anh B bận nên không đến Tòa án để làm việc. Anh B hiện đang đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể ở đâu thì bà không nắm được, anh B vẫn thường xuyên về thăm gia đình tại địa phương. Bà nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo và giao lại cho anh B.

Tại biên bản xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở UBND xã TN, huyện T1, ông Phạm Đức Ngh, Chủ tịch UBND xã và bà Tô Thị B, Cán bộ tư pháp xã cung cấp:

Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình B tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện T1, tỉnh T2 vào ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại địa phương. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh B, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung, quá trình chung sống chị H và anh B có 02 con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010; Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Nếu anh, chị ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống chị H và anh B có tài sản chung, nợ chung hay không địa phương không nắm được.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải ngày 21/7/2023, chị H có mặt, anh B vắng mặt không có lý do. Ngày 14/8/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B không đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 12/9/2023.

Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình B. Về con chung, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đình B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

[2.2] Chị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh B có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải, anh B vắng mặt, gia đình anh B không đồng ý cho hai vợ chồng ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tại các phiên tòa, anh B đều vắng mặt; chị H kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh B và chị H đã sống ly thân từ năm 2022. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị H va anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

[3] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Hiện các con chung đang ở cùng mẹ. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, mặt khác cháu Nguyễn Hoàng B1 và Nguyễn Thị KA có đơn đề nghị được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Hoàng B1, sinh ngày 18/10/2010, Nguyễn Thị KA, sinh ngày 16/01/2015. Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0002351 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã TN;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền